

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 6 + 7

Ngày 03 tháng 02 năm 2007

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

23-4-2007	Quyết định số 881/2007/QĐ-UBND v/v bổ sung Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	5
-----------	---	---

HĐND HUYỆN CẨM KHÊ

27-3-2007	Nghị quyết số 01/2007/NQ - HĐND về việc phê duyệt chương trình xóa đói giảm nghèo đến 2010 huyện Cẩm Khê.	6
27-3-2007	Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND về chương trình phát triển nông lâm nghiệp - thủy sản huyện Cẩm Khê năm 2007 đến năm 2010.	9

27-3-2007	Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND về chương trình phát triển chăn nuôi đàn bò thịt hàng hóa năm 2007 đến 2010.	14
27-3-2007	Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND về phát triển GTNT từ năm 2007 đến năm 2010 huyện Cẩm Khê.	19
27-3-2007	Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐND về phòng chống HIV/AIDS huyện Cẩm Khê đến năm 2010.	23
27-3-2007	Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND về đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa - thông tin - thể thao huyện Cẩm Khê năm 2007 đến năm 2010.	30
27-3-2007	Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND về phát triển sự nghiệp thể dục thể thao huyện Cẩm Khê năm 2007 đến năm 2010.	35
27-3-2007	Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thị trấn Sông Thao đến năm 2010.	41

UBND HUYỆN TAM NÔNG

05-4-2007	Chỉ thị số 05/2007/CT-UBND về việc mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII năm 2007.	44
27-4-2007	Quyết định số 281/2007/QĐ-UBND v/v Ban hành kế hoạch của UBND huyện thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Phú Thọ về công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2007 - 2010.	46

PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

09-4-2007	Quyết định số 771/QĐ-UBND v/v Danh sách các trường được hưởng chính sách hỗ trợ sách, báo theo Quyết định số 21-TTg ngày 16/01/1993 của Thủ tướng Chính phủ.	55
11-4-2007	Quyết định số 792/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm tỉnh Phú Thọ.	61
20-4-2007	Chỉ thị số 05/CT- UBND về công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2007.	68

25-4-2007	Quyết định số 911/QĐ-UBND v/v trích ngân sách tỉnh 1.400 triệu đồng, cấp hỗ trợ cho Ban quản lý dự án công trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn.	71
-----------	--	----

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

03-4-2007	Quyết định số 718/QĐ-UBND1 về việc phê duyệt danh mục dự án và thành lập Hội đồng thẩm định thuyết minh dự án khoa học thuộc “Chương trình nông thôn và miền núi” tỉnh Phú Thọ năm 2008.	72
09-4-2007	Quyết định số 764/QĐ-UBND v/v thu hồi vốn tạm ứng năm 2006 và phân bổ vốn tạm ứng để triển khai kế hoạch Dự án 661 năm 2007.	75
11-4-2007	Quyết định số 790/QĐ-UBND về việc thành lập Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm tỉnh Phú Thọ.	77
11-4-2007	Quyết định số 791/QĐ-UBND về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm tư vấn, dịch vụ dân số, gia đình và trẻ em tỉnh Phú Thọ.	79
11-4-2007	Quyết định số 794/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.	81
12-4-2007	Quyết định số 802/QĐ-UBND về việc duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu xây lắp hạng mục Lâm nghiệp thuộc dự án rừng quốc gia Đền Hùng.	82
13-4-2007	Quyết định số 812/QĐ-UBND về việc duyệt phân bổ vốn từ nguồn công đức tu bổ Đền Hùng đợt 1 - năm 2007.	84
16-4-2007	Quyết định số 816/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, mở rộng mạng đến một số sở, ban, ngành và UBND huyện, tỉnh Phú Thọ.	87
17-4-2007	Quyết định số 827/QĐ-UBND về việc chỉ định ủy ban nhân dân lâm thời huyện Tân Sơn.	91
17-4-2007	Quyết định số 840/QĐ-UBND v/v duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu xây lắp phần hạ áp - Dự án Năng lượng nông	92

thôn II tỉnh Phú Thọ.

17-4-2007	Quyết định số 841/QĐ-UBND v/v duyệt kết quả đấu thầu gói thầu: Mua sắm vật tư thiết bị cho Dự án Năng lượng nông thôn II tỉnh Phú Thọ.	95
17-4-2007	Quyết định số 842/QĐ-UBND v/v phân bổ vốn bố trí cho Khu du lịch Văn Lang từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2007.	97
17-4-2007	Quyết định số 843/QĐ-UBND v/v duyệt kết quả đấu thầu xây lắp các công trình giao thông nông thôn thuộc kế hoạch năm 2006 - Dự án phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ.	99
18-4-2007	Quyết định số 854/QĐ-UBND về việc thành lập các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện Tân Sơn.	102
19-4-2007	Quyết định số 861/QĐ-UBND về việc điều động cán bộ, công chức lãnh đạo.	104
19-4-2007	Quyết định số 862/QĐ-UBND về việc điều động cán bộ, công chức lãnh đạo.	105
23-4-2007	Quyết định số 890/QĐ-UBND v/v duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu xây lắp phần hạ áp - Dự án Năng lượng nông thôn II tỉnh Phú Thọ.	106
23-4-2007	Quyết định số 892/QĐ-UBND v/v phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2007 Dự án hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng tỉnh Phú Thọ.	108
27-4-2007	Quyết định số 939/QĐ-UBND về việc điều chỉnh và giao chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp năm 2007 cho UBND huyện Tân Sơn và UBND huyện Thanh Sơn.	120
27-4-2007	Quyết định số 944/QĐ-UBND v/v trích ngân sách tỉnh 2.837 triệu đồng, cấp hỗ trợ kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị cho huyện Tân Sơn.	125
27-4-2007	Quyết định số 964/QĐ-UBND về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.	126

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 881/2007/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 23 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v bổ sung Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 114/2004/TT-BTC ngày 26/11/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung các loại đất;

Căn cứ Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 390/TT-VG ngày 17/4/2007; Tờ trình số 318/TTr-UBND ngày 13/4/2007 của UBND huyện Thanh Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá đất tại địa bàn huyện Thanh Sơn vào bảng giá đất quy định tại Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

Đất ở thị trấn Thanh Sơn: Đất hai bên đường từ công Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Sơn đến ngã tư nhà ông Nhiên, ông Mẫn, giá 500.000 đồng/m².

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành, thị và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2007/NQ-HĐND

Cẩm Khê, ngày 27 tháng 3 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt chương trình xóa đói giảm nghèo
đến 2010 huyện Cẩm Khê**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ban hành ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí chuẩn nghèo giai đoạn 2006 - 2010 ngày 8/7/2005;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 225/TTr-UBND ngày 23/3/2007 của UBND huyện về chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2007 - 2010, Báo cáo thẩm tra số 06/BC của Ban Kinh tế xã hội HĐND huyện và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành đánh giá tình hình thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo năm 2006, phương hướng nhiệm vụ thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo năm 2007 và đến 2010 của huyện Cẩm Khê. HĐND huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

I - KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO NĂM 2006

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy Đảng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể từ huyện đến xã cùng với sự phấn đấu vươn lên thoát nghèo của các hộ nghèo trong huyện, năm 2006 vượt lên khó khăn, toàn huyện đã giảm được tỷ lệ hộ nghèo là 4,68% vượt chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh, huyện đề ra. Đây là kết quả có ý nghĩa rất sâu sắc cả về kinh tế, xã hội tạo đà phấn đấu giảm nghèo cho các năm tiếp theo.

Cụ thể: Năm 2005 số hộ nghèo theo chuẩn mới là 10.830 hộ, chiếm 37,7% tổng số hộ hết năm 2006 còn 9.667 hộ chiếm 33,02% số hộ, số người nghèo 40.076 người, chiếm 30,87% dân số toàn huyện. Trong đó hộ chính sách 268 hộ, hộ bảo trợ xã hội 143 hộ, xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 40% là: Tiên Lương, Phượng Vĩ, Tạ Xá, Yên Dưỡng.

Còn 24 xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% đến dưới 40%; 3 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 24%: Phương Xá, Sai Nga, thị trấn Sông Thao.

Có được kết quả trên năm 2006 do chỉ đạo thực hiện tốt chương trình kinh tế trọng điểm của huyện, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 10,31% lương thực bình quân 302kg/người, thu nhập bình quân 4,24 triệu.

- Thực hiện tốt chương trình đầu tư gắn với giải quyết việc làm như đầu tư cơ sở hạ tầng 55 tỷ, đầu tư tín dụng 14.898 triệu (vốn dự án và cho người nghèo vay phát triển kinh tế).

- Làm tốt công tác xuất khẩu lao động, số lao động làm việc có thời hạn nước ngoài 307 người, đã gửi tiền về gia đình là 25.482 triệu.

- Về xã hội: Thực hiện tốt chính sách như giáo dục xóa phòng học 3 ca, hỗ trợ 50% học phí cho 6.736 em học sinh, sinh viên con người nghèo, số tiền miễn giảm \approx 1 tỷ.

Tỷ lệ trẻ em đến trường, đến lớp đạt cao, thực hiện tốt chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, chương trình khám chữa bệnh cho cộng đồng, đặc biệt sự ưu đãi của Nhà nước khám chữa bệnh miễn phí cho 40.562 người nghèo, hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm 43 hộ, trị giá 400 triệu đồng.

Thực hiện tốt chương trình giải quyết việc làm cho người lao động như đào tạo nghề, công tác xuất khẩu lao động và giới thiệu lao động cho các doanh nghiệp, cùng với sự nỗ lực phấn đấu giảm nghèo của hộ nghèo. Năm 2006 tính thời điểm 31/10, số hộ nghèo của huyện còn 9.667 hộ/29.273 hộ = 33,02%. Số khẩu nghèo là: 40.076 khẩu. Tỷ lệ giảm hộ nghèo năm 2006 là 4,68% tương ứng với số hộ thoát nghèo là: 1.163 hộ và 4.827 khẩu.

II - PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU NHIỆM VỤ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO (2007 - 2010)

1. Phương hướng chung:

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong huyện không để các hộ thoát nghèo lại nghèo trở lại, có chính sách cụ thể từng bước xóa hộ nghèo, đến năm 2010 còn dưới 15% hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện tại.

2. Mục tiêu:

Phấn đấu hàng năm giảm 4,5% số hộ nghèo trở lên đến năm 2010 số hộ nghèo còn dưới 15%.

3. Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn dưới 15%. Tương ứng với giảm số hộ nghèo khoảng 6.000 hộ. Xã có hộ nghèo từ 25 - 40% là 2 xã, xã có tỷ lệ hộ nghèo 16 - 18% là 5 xã và 24 xã còn tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%.

4. Nhiệm vụ và giải pháp:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả 05 chương trình sản xuất nông nghiệp trọng điểm, phấn đấu đạt tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 10% trở lại, bình

quân lương thực đầu người đến 2010 đạt 360kg/người, thu nhập đạt 5,7 triệu đồng/người/năm.

Cụ thể:

- Cây lúa phân đầu đến 2010 về diện tích gieo cấy 7.300ha, năng suất 52,7 tạ/ha, sản lượng đạt 38,5 ngàn tấn; cây ngô 2.300ha, sản lượng đạt 9.000 tấn.

- Thủy sản: Nuôi trồng 2.000ha, sản lượng đạt 6.000 tấn vào năm 2010.

- Lâm nghiệp: Đảm bảo sản lượng gỗ, củi hàng năm 20.000 tấn/năm.

- Phát triển đàn bò đạt 21.000 con vào năm 2010 chiếm tỷ trọng 60 - 65% tổng đàn, chú trọng đầu tư phát triển đàn bò lai.

- Phát triển nhanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề gắn với phát triển du lịch để thu hút lao động, giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn.

- Về chính sách xã hội: Tạo vốn chương trình xóa đói giảm nghèo, mỗi địa phương phải chủ động bố trí ngân sách từ 1% trở lên để thực hiện chương trình giảm nghèo.

- Phân đầu tạo nhiều việc làm mới, để giảm số lao động không có việc làm mỗi năm từ 1,5 - 2%.

- Tăng cường đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài mỗi năm từ 350 - 400 người. Đã có số tiền người lao động làm việc nước ngoài hàng năm gửi về gia đình từ 30 - 35 tỷ đồng.

Thực hiện có hiệu quả chương trình dân số kế hoạch gia đình, chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt cho đối tượng nghèo, các chính sách hỗ trợ học phí cho con em hộ nghèo học ở các trường.

Điều 2. Giao cho UBND huyện tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo từ nay đến năm 2010.

Điều 3. Thường trực HĐND, các ban, đại biểu HĐND huyện giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XVI kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Trần Tiến Văn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2007/NQ-HĐND

Cẩm Khê, ngày 27 tháng 3 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về chương trình phát triển nông lâm nghiệp -
thủy sản huyện Cẩm Khê năm 2007 đến năm 2010**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân và ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND - UBND các cấp ngày 3/12/2004.

Sau khi xem xét tờ trình và báo cáo của UBND huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nông lâm nghiệp - thủy sản năm 2006 - phương hướng nhiệm vụ năm 2007 đến 2010. Cùng báo cáo kết quả thẩm định của Ban Kinh tế xã hội và thảo luận.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản năm 2006, phương hướng nhiệm vụ năm 2007 đến 2010. Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

I - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THỜI GIAN QUA:

Thực hiện nhiệm vụ phát triển nông lâm nghiệp - thủy sản thời gian qua diễn ra trong điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn về thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát. Song dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự nỗ lực phấn đấu cao của cán bộ nhân dân trong huyện đã tranh thủ những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, tích cực sáng tạo, khơi dậy và phát huy các tiềm năng, đưa sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản tiếp tục ổn định và phát triển.

Tuy sản xuất lương thực không đạt kế hoạch do ảnh hưởng nặng của thiên tai. Song cơ cấu giống, cơ cấu các trà lúa, chất lượng giống và chất lượng đầu tư thâm canh của các hộ nông dân đã có chuyển biến tích cực.

Các mô hình kinh tế với công thức luân canh lúa, ngô, rau màu, củ, quả, gắn với chăn nuôi tổng hợp đã thể hiện sự nổi trội về giá trị thu nhập.

Toàn huyện đã thực hiện tốt các biện pháp khống chế sâu bệnh, dịch bệnh.

UBND huyện đã tích cực tranh thủ sự giúp đỡ của các cấp, các ngành để chỉ đạo, xây dựng được nhiều dự án phục vụ cho sự phát triển nông lâm nghiệp thủy sản. Một số dự án đã được xúc tiến khẩn trương như các dự án phòng chống lũ quét, sạt lở vỡ sông, nâng cấp một số hồ đập lớn.

Chương trình phát triển chăn nuôi và chăn nuôi thủy sản kết hợp với đầu tư hạ tầng của nhân dân phát triển mạnh cùng với chương trình phát triển thủ công nghiệp và công nghiệp, cho nên đã góp phần quan trọng tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên còn hai trong năm chương trình trọng điểm trong nông nghiệp tốc độ phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, số lượng sản phẩm chưa nhiều, phân tán, năng suất, chất lượng sản phẩm thấp. Đó là sản xuất lương thực, cây chè năng suất chưa vượt ngưỡng 5 tấn/ha.

Công tác tổ chức thực hiện sự chỉ đạo điều hành ở một số cơ sở chưa phát huy được lực lượng sản xuất. Công tác dồn điền đổi thửa vẫn thực hiện chậm tiến độ.

II - PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2010

1. Phương hướng chung:

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, đảm bảo đầy đủ lương thực, thực phẩm tiêu dùng tại chỗ và có số lượng hàng hóa tập trung với chất lượng cao tham gia thị trường.

- Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng năng suất, chất lượng cây lương thực, thực phẩm; giảm diện tích trồng lúa năng suất thấp chuyển sang chăn nuôi, chăn nuôi thủy sản, trồng màu và sản xuất thức ăn cho chăn nuôi.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư hạ tầng theo hướng ổn định bền vững, nhất là cơ sở hạ tầng thủy lợi, thủy sản, kiến thiết và cải tạo đồng ruộng.

- Sản xuất gắn với thị trường, sản xuất gắn với chế biến, phát triển sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Các mục tiêu chủ yếu

Mục tiêu chung:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân 5,5%/năm.

- Tổng giá trị sản xuất (giá 1994) năm 2007: 268,5 tỷ đồng.

- Giá trị thu nhập bình quân 1ha đất canh tác năm 2007 đạt: 27,5 triệu đồng/ha; đến 2010 đạt 32 triệu đồng/ha.

- Tỷ trọng nội bộ ngành nông nghiệp (trồng trọt: Chăn nuôi; thủy sản): Năm 2007 là: 68% - 24% - 8%, đến năm 2010 là: 60% - 29% - 11%.

Các chỉ tiêu chính:

+ Lương thực: Năm 2007 đạt 46,5 ngàn tấn, năm 2010 đạt 47 ngàn tấn, trong đó cây lúa năm 2007 diện tích 7.600ha, năng suất 51,3 tạ/ha, sản lượng 39 ngàn tấn, năm 2010 diện tích 7.300ha, năng suất 52,7 tạ/ha, sản lượng 38.500 tấn; cây ngô năm 2007, diện tích 2.300ha, sản lượng 8.000 tấn, năm 2010 sản lượng đến 9.000 tấn.

+ Thủy sản: Năm 2007, diện tích 1.750ha, sản lượng đạt 4.000 tấn, năm 2010 diện tích 2.000ha, sản lượng đạt 6.000 tấn.

+ Đàn bò: Năm 2007, tổng đàn 18.500 con, tỷ lệ lai sind 34% sản lượng thịt bò hơi đạt trên 900 tấn, năm 2010, tổng đàn trên 21.000 con, tỷ lệ lai sind 60 - 65%, sản lượng thịt bò hơi đạt 2.000 - 2.300 tấn.

+ Đàn lợn: Năm 2007, tổng đàn 47 ngàn con, sản lượng thịt hơi đạt 4.200 tấn, năm 2010 tổng đàn 48.000 con, sản lượng đạt 6.000 tấn.

+ Tổng đàn gia cầm: Năm 2007 đạt 1,0 triệu con, năm 2010 đạt 1,5 triệu con.

+ Sản lượng chè búp tươi: Năm 2007 đạt 4.200 tấn, năm 2010 trên 5.500 tấn.

+ Sản lượng gỗ, củi: 20.000 tấn/năm.

III - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, lập kế hoạch xây dựng các dự án theo 5 chương trình sản xuất nông nghiệp trọng điểm

Điều chỉnh, rà soát quy hoạch trong phạm vi toàn huyện cũng như ở từng xã, thị trấn để phân định các vùng sản xuất tập trung, từ đó có sự đầu tư hợp lý nhằm tạo ra các tiểu vùng sản xuất hàng hóa có số lượng và chất lượng cao đảm bảo năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Xác định vùng trọng điểm sản xuất cây lương thực và cây thực phẩm; cánh đồng Ba, cánh đồng Láng Chương.

Vùng phát triển thủy sản tập trung các xã đồng Láng Chương, ruột tiêu Ngô Xá đi Sơn Tĩnh; cánh đồng đào (Tiên Lương).

Vùng phát triển chăn nuôi bò các xã vùng đồi núi phát triển đàn bò cái sinh sản, bò thịt có chất lượng cao; các xã ven sông nuôi bò cái chất lượng cao nhằm cung ứng giống cho các xã vùng đồi.

Vùng phát triển cây nguyên liệu giấy, cây lấy gỗ, cây chè tập trung các xã miền núi có nhiều tiềm năng.

Tập trung chỉ đạo 5 chương trình sản xuất nông nghiệp trọng điểm:

- Chương trình phát triển lương thực: Tăng cường đầu tư thâm canh chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất 3 vụ để tăng năng suất. Chuyển diện tích trồng lúa sâu trũng kém hiệu quả sang chuyên thủy sản hoặc 1 lúa + 1 cá; diện tích cao hạn không chủ động nước chuyển sang trồng cỏ và các cây có giá trị kinh tế cao hơn.

- Chương trình lâm nghiệp: Điều chỉnh quy hoạch 2 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng sản xuất) giảm diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu, tăng diện tích rừng sản

xuất. Định hình 4.153ha rừng nguyên liệu giấy; trong đó quốc doanh 718ha, UBND xã và hộ gia đình 3.435ha, phát triển cây lấy gỗ lớn 587ha. Cây gỗ nhỏ và cây đặc sản 823ha, chuyển 926,9ha rừng phòng hộ sang trồng rừng sản xuất.

- Chương trình phát triển thủy sản: Hình thành các vùng nuôi thủy sản thâm canh có khối lượng hàng hóa lớn, tập trung đưa các giống thủy sản mới có chất lượng cao như rô phi đơn tính, chép lai 3 máu, tôm càng xanh..., đầu tư thức ăn nhất là thức ăn công nghiệp, vệ sinh, thú y, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình trình diễn, củng cố và phát triển mạnh các chi hội chăn nuôi thủy sản.

- Chương trình phát triển đàn bò: Tập trung khâu giống, thức ăn, thú y. Trong đó trọng điểm là phát triển đàn bò thịt, bò lai chất lượng cao ở các xã có ưu thế phát triển chăn nuôi đại gia súc.

- Chương trình phát triển chè: Rà soát quy hoạch lại quỹ đất thành vùng lớn cho trồng mới. Xác định diện tích chè giống cũ, diện tích cần xấu phải đầu tư, cải tạo, trồng dặm hoặc trồng lại và tăng cường đầu tư thâm canh chè giống chất lượng cao, khuyến khích các cơ sở chế biến chè gắn kết chặt chẽ với các hộ trồng chè cùng đầu tư.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền:

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động các hộ nông dân sắp xếp bố trí sản xuất theo quy hoạch, lấy việc dồn điền đổi thửa làm trọng tâm; tuyên truyền nâng cao ý thức sản xuất cho người nông dân là sản xuất theo kế hoạch và triệt để ứng dụng các tiến bộ KHKT là cơ sở để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị hàng hóa.

3. Tăng cường huy động mọi nguồn đầu tư:

Trước hết là đầu tư kiến thức, phương thức tổ chức sản xuất, về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người nông dân thông qua tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, giám sát kiểm tra việc thực hiện, tổng kết đánh giá nhân rộng những mô hình, dự án đạt hiệu quả.

Trên cơ sở quy hoạch và thực hiện dồn đổi ruộng đất huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Về kiến thiết giao thông, thủy lợi nội đồng, cải tạo đồng ruộng, cơ sở hạ tầng cho chăn nuôi thủy sản...

Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước các cấp thông qua các dự án lớn được duyệt. Nhân dân tăng cường đầu tư vốn, lao động, đất đai, tài sản... nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn, đất, chất lượng lao động để làm ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển 5 chương trình kinh tế nông nghiệp trọng điểm.

4. Về khoa học kỹ thuật:

Rà soát, kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ khuyến nông cơ sở đủ chất lượng, số lượng và cơ cấu từ xã, thị trấn đến khu dân cư để có đủ điều kiện và khả năng là người thầy vừa dạy vừa làm cho nông dân, hưởng thêm thù lao theo kết quả sản xuất.

Các ngành trong khối nông nghiệp tăng cường vai trò quản lý Nhà nước và phối hợp chặt chẽ với đội ngũ khuyến nông cơ sở làm tốt việc chuyển giao, ứng dụng các

tiến bộ mới về giống, về quy trình kỹ thuật, về tổ chức sản xuất, tham mưu cho chính quyền các cấp chỉ đạo thắng lợi, đảm bảo an toàn trong sản xuất.

5. Về thị trường:

Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá, thông tin, bố trí các phương tiện, thiết bị bảo quản hàng hóa vận chuyển xa để nâng cao giá trị hàng hóa như các cây, quả thực phẩm, tôm cá, thịt tươi sống...

Các ngành quản lý Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về công khai thủ tục hành chính giúp các nhà thu mua sản phẩm thực hiện nhanh, gọn, an toàn.

Nghiên cứu xem xét, quy hoạch và xây dựng một số chợ nông thôn về thủy sản, về chợ bò, về chợ rau thực phẩm an toàn...

6. Tăng cường vai trò tổ chức chỉ đạo, điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở:

Trước hết phải đầu tư nâng cao năng lực hoạch định quy hoạch, kế hoạch sản xuất hàng năm, các kế hoạch, các chương trình phát triển phải gắn với việc đề ra các giải pháp để thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát diễn biến thực tế để có sự chỉ đạo phù hợp, kịp thời nhanh nhạy; không ngừng cải tiến phương pháp công tác, phong cách làm việc; lấy kết quả công việc làm thước đo đánh giá công việc hàng năm.

Trong quá trình thực hiện luôn luôn đề cao vai trò phối hợp vận động thực hiện của các tổ chức đoàn thể để tạo thành sức mạnh tổng hợp.

Điều 2. HĐND huyện giao cho:

1. UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm để tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị UBMTTQ, các tổ chức, đoàn thể có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và toàn dân trong huyện thi đua, đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển nông lâm nghiệp - thủy sản, phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết trên.

3. Thường trực HĐND huyện, các ban, các đại biểu HĐND huyện nêu cao tinh thần trách nhiệm tăng cường giám sát kiểm tra.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Cẩm Khê khóa XVI, kỳ họp thứ chín biểu quyết nhất trí thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Tiến Văn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2007/NQ-HĐND

Cẩm Khê, ngày 27 tháng 3 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về chương trình phát triển chăn nuôi đàn bò thịt hàng hóa
năm 2007 đến 2010**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ KHÓA XVI KỶ HỌP THỨ CHÍN

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ban hành ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND - UBND các cấp ngày 3/12/2004;
- Sau khi xem xét tờ trình và báo cáo của UBND huyện về đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển đàn bò thịt hàng hóa năm 2006, phương hướng nhiệm vụ phát triển giai đoạn 2007 - 2010; cùng báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế xã hội và thảo luận.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển chăn nuôi đàn bò thịt hàng hóa, các chỉ tiêu đạt được và các giải pháp thực hiện năm 2006, phương hướng nhiệm vụ, phát triển giai đoạn 2007 - 2010 của UBND huyện trình tại kỳ họp. HĐND huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

I - ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ, ĐÀN BÒ THỊT HÀNG HÓA TRONG THỜI GIAN QUA

Sau 2 năm thực hiện Đề án, nhất là năm 2006, UBND huyện đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo thực hiện xây dựng dự án, xây dựng kế hoạch phát triển, có nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn về vốn, phòng chống dịch bệnh... cho nên đã đạt được nhiều kết quả rất tích cực được nhân dân đồng thuận đầu tư phát triển. Do đó tổng đàn bò tăng nhanh, chất lượng đàn bò bước đầu được cải thiện, quy mô chăn nuôi, tập quán chăn nuôi bước đầu có chuyển biến, thị trường tiêu thụ thuận lợi đã góp phần quan trọng và việc chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, tạo việc làm, giảm hộ nghèo, thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế.

Tuy nhiên quy mô chăn nuôi còn rất manh mún, nhỏ lẻ, phân tán; chất lượng đàn bò thấp, giống tốt và tổ chức chăn nuôi công nghiệp chưa được nhân rộng.

Công tác chỉ đạo ở một số cơ sở chưa được thường xuyên tích cực.

II - CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÀN BÒ THỊT HÀNG HÓA NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2010.

1. Phương hướng chung:

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò thịt hàng hóa theo hướng vừa tăng nhanh tổng đàn, vừa nâng cao chất lượng đàn bò lai giống chất lượng cao.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất, an toàn về dịch bệnh.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, hộ gia đình huy động mọi nguồn lực đất đai, vốn, lao động, kiến thức khoa học kỹ thuật... để đẩy nhanh tốc độ phát triển về số lượng, chất lượng và quy mô chăn nuôi hàng năm.

2. Mục tiêu

- Huy động và sử dụng tổng hợp các nguồn lực để đầu tư cải tạo nhanh giống địa phương ở tất cả 31 xã, thị trấn; tập trung cải tạo đàn bò chất lượng cao theo hướng sind hóa thuộc 7 xã vùng dự án để nhân rộng ra toàn huyện.

Năm 2007 tổng đàn bò: 18.500 con. Trong đó: Cơ cấu giống bò lai, bò thịt chất lượng cao trên 6.000 con, chiếm 34% so với tổng đàn, sản lượng thịt hơi đạt trên 900 tấn.

- Đến năm 2010:

Tổng đàn bò toàn huyện trên 21.000 con (trong đó bò lai sind chiếm 60 - 65% tổng đàn), tỷ lệ bình quân mỗi năm tăng 900 con bò thịt hàng hóa, chiếm 65 - 70% tổng đàn, sản lượng thịt hơi từ 2.000 - 2.300 tấn.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Quy hoạch phát triển chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi bò thịt ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện.

- Vùng trọng điểm gồm các xã: Tuy Lộc, Phương Xá, Phùng Xá, TT Sông Thao, Sơn Tinh, Cát Trù, Điều Lương.

- Quy mô phát triển từ 5 con/hộ trở lên.

- Các xã thuộc vùng trọng điểm có quy hoạch cụ thể về việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy hoạch đất để trồng cỏ cung cấp thức ăn cho chăn nuôi bò từ 250 - 300ha vào năm 2010, bố trí quy hoạch đất làm chuồng trại và các công trình phục vụ chăn nuôi bò thịt theo quy mô nông trại, trang trại.

- Đẩy mạnh việc dồn đổi ruộng đất tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt.

3.2. Về kỹ thuật

- Giống bò: Là khâu then chốt phải tiếp tục thực hiện tốt công tác cải tạo giống bò ở tất cả các địa phương. Xác định lai tạo, sản xuất giống bò tại địa phương là chính để chủ động cung cấp giống cho địa bàn toàn huyện.

Cải tạo, sản xuất giống bò thịt bằng 2 phương pháp: Thụ tinh nhân tạo và phối giống trực tiếp, đồng thời tổ chức thiến bò đực cóc tại các xã tham gia dự án. Trên cơ sở tuyển chọn những con bò cái địa phương tốt để tiến hành thụ tinh nhân tạo, hoặc cho nhảy trực tiếp với bò đực giống ngoại nhóm Zêbu và sử dụng bò cái lai F₁, F₂ thụ tinh nhân tạo với các giống bò đực ngoại cao sản chất lượng cao.

- ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi: Kỹ thuật nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi vỗ béo, hệ thống chuồng trại liên hoàn, kỹ thuật chế biến thức ăn xanh, thức ăn ủ chua để cung cấp và dự trữ thức ăn.

- Triển khai khảo nghiệm trồng các giống cỏ mới năng suất chất lượng tốt, xây dựng mô hình về an toàn vệ sinh chăn nuôi, công nghệ xử lý chất thải...

- Thực hiện vệ sinh chuồng trại, tiêm đầy đủ các loại vắc xin bắt buộc, cho ăn hợp vệ sinh, phát hiện sớm gia súc mắc bệnh, chữa kịp thời, tiêu hủy khi cần thiết, không để dịch bệnh lây lan.

- Tăng cường liên doanh liên kết với trại giống bò chất lượng cao để đẩy nhanh tiến độ cải tạo chất lượng đàn bò.

3.3. Giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng chuồng trại:

Chuồng trại cần được hướng dẫn xây dựng đảm bảo các yếu tố kỹ thuật cao ráo thoáng mát... diện tích tối thiểu đối với bò sinh sản: 6 - 8m², bê các loại 4 - 5m², bò vỗ béo 4m². Nếu quy mô nhỏ có thể xây chuồng dẫy, độ dốc nền 2%, có cống rãnh, hố ủ phân, chất thải theo quy định kỹ thuật, mặt khác để giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường sinh thái và đời sống dân sinh, phải đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ xử lý chất thải. Qua sơ chế làm phân bón và qua hệ thống hầm Biôga theo các chương trình hỗ trợ của tỉnh.

Đối với các trường hợp xây dựng trang trại và chăn nuôi với quy mô lớn cần bố trí xây dựng ở những khu vực đất cần cỗi kém hiệu quả, xa khu dân cư.

4. Đào tạo nguồn lực:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ chỉ đạo từ huyện đến cơ sở có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững chắc. Lực lượng chủ yếu là đội ngũ cán bộ khuyến nông và cán bộ thú y các xã trên cơ sở hàng năm tập huấn, thăm quan học tập các mô hình hoặc phối hợp với cán bộ kỹ thuật ở trong và ngoài tỉnh.